TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS-ST
Ngày: 22-6-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Võ Thanh Bình.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Trần Văn Sinh.**
Bà: **Bùi Thị Thu.**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Ma Văn Chung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Bà **Hoàng Thị Thu Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2021/TLST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12a/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo.

1. Triệu Văn C, sinh ngày 20/01/1994; tại: X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn S và bà Triệu Thị N; vợ: Triệu Thị K; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

2. Triệu Thị N, sinh ngày 25/4/1970; tại: Xã M, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn Q (Đã chết) và bà Triệu Thị L; chồng: Triệu Văn S và 04 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

3. Triệu Văn S, sinh ngày 20/01/1970; tại: Xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn Chang N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn C và bà Triệu Thị P; vợ: Triệu Thị N và 04 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

*** Người bào chữa:** Người bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn C, Triệu Văn S: Bà Đỗ Thị X, Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị N: Bà Hoàng Thu C, Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, (Có mặt).

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn;

Địa chỉ: Tổ nhân dân Pàn Bái, thị trấn Yến Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Văn N, chức vụ; Chủ tịch, (Vắng mặt). Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thu N, chức vụ: Phó trưởng phòng - Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N, (Có măt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1990, (Có mặt);

Trú tại: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

*** Người làm chứng:** Chị Triệu Thị K, sinh năm1999, (Vắng mặt);

Trú tại: Thôn Chang N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong một buổi tối vào tháng 9 năm 2020, sau khi ăn cơm xong, Triệu Văn C có hỏi, trao đổi với bố là Triệu Văn S "Bây giờ không có việc làm, muốn phát rừng xin phép bố có được không?". Nghe C nói vậy ông S đã đồng ý. Khoảng ngày 16/9/2020 Triệu Thị N và con trai là Triệu Văn C đi phát phá rừng của gia đình để trồng cây mỡ phát triển kinh tế gia đình. Khi đi phát phá rừng Triệu Thị N và Triệu Văn C mang theo một chiếc máy cưa xăng; ba con dao phát dạng dao quắm và dạng lưỡi liềm. Trong quá trình C và N phát rừng, bị cáo S trong lúc chăn trâu tại khu vực này đã tham gia phát rừng cùng với C và N từ 02 đến 03 lần (thời gian chính xác tham gia giúp N, C phát rừng thì S không nhớ). Quá trình phát phá Triệu Văn C và Triệu Văn S có dùng máy cưa xăng cắt những cây gỗ lớn, N phát những cây nhỏ, cây Vầu. Khu rừng N, C, S phát phá được phân loại là rừng tự nhiên sản xuất, thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V năm 2018. Thửa đất này UBND huyện N giao cho gia đình Triệu Văn S và Triệu Thị N quản lý, sử dụng, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 231185 cấp ngày 26/6/2009. Việc N, C và S phát phá rừng chưa được được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép, thời gian phát rừng không thường xuyên liên tục, mà được thực hiện trong khoảng một tuần thì không phát nữa vì đã đủ diện tích để trồng cây mỡ theo dự định ban đầu. Đến ngày 09/10/2020 bị lực lượng Kiểm lâm huyện N phát hiện lập biên bản về việc phát phá rừng trái pháp luật. Ngày 22/10/2020 Cơ quan tiến hành tố tụng tổ chức khám nghiệm hiện trường vụ án. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định, khu rừng bị phát phá là rừng tự nhiên sản xuất, diện tích bị phát phá trái phép là 6.266m^2 (Sáu nghìn hai trăm sáu mươi sáu mét vuông). Tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại gồm 26,757m^3 (Hai mươi sáu phẩy bẩy năm bẩy mét khối) gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII; 34 khúc gỗ tròn loại thông thường có khối lượng là 1,705m^3 (Một phẩy bẩy không năm mét khối) và 3.194 (Ba nghìn một trăm chín tư) cây Vầu.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 23/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Na kết luận: 26,757m^3 (Hai mươi sáu phẩy bẩy năm bẩy mét khối) gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII; 34 khúc gỗ tròn loại thông thường có khối lượng là 1,705m^3 (Một phẩy bẩy không năm mét khối) và 3.194 (Ba nghìn một trăm chín tư) cây Vầu có tổng giá trị là 3.908.740,đ.

Quá trình điều tra thu giữ được một số vật chứng sau: 01 con dao dài 50 cm; 01 con dao quắm dài 45cm; 01 con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 40cm; 01 máy cưa xăng màu trắng - cam, có cả lam và xích. Các vật chứng hiện đang được bảo quản theo quy định của pháp luật.

Đối với số vật chứng còn lại tại hiện trường là 10,049m^3 (Mười phẩy không bốn chín mét khối) gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII và 34 khúc gỗ tròn có khối lượng là 1,705m^3 (Một phẩy bẩy không năm mét khối). Những vật chứng này khối lượng lớn, không thể đưa về Cơ quan điều tra để bảo quản, quản lý. Sau khi khám nghiệm hiện trường ngày 29/01/2021, Cơ quan điều tra đã giao cho UBND xã V và Hạt kiểm lâm huyện N quản lý theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo Triệu Văn C, Triệu Thị N và Triệu Văn S đều đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai, tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra và phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Mục đích các bị cáo phát, phá rừng tự nhiên là để trồng cây Mỡ nhằm phát triển kinh tế gia đình.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự đề nghị các bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo kết luận định giá trong quá trình điều tra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Q đề nghị HĐXX trả lại 01 máy cưa lốc đã cho bị cáo Chài mượn.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSNR ngày 30/4/2020, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn C, Triệu Thị N và Triệu Văn S phạm tội *"Hủy hoại rừng"*. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65/BLHS: Xử phạt bị cáo Triệu Văn C từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36/BLHS: Xử phạt bị cáo Triệu Văn N và Triệu Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo C trong thời gian thử thách, bị cáo N, bị cáo S trong thời gian cải tạo không giam giữ; Không đề nghị khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với vị cáo N, S; Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo; Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự; Xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử xử tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 50 cm; 01 con dao quắm dài 45cm; 01 con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 40cm; Trả lại cho anh Triệu Văn Q 01 máy cưa xăng màu trắng - cam, có cả lam và xích; Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước số gỗ còn lại tại hiện trường là 10,049m^3 gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII và 34 khúc gỗ tròn có khối lượng là 1,705m^3; Tạm giữ số tiền 3.908.740 các bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; Đề nghị miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, sự hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị xử phạt bị cáo C mức hình phạt thấp nhất và

cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với bị cáo N và bị cáo S đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với mức thấp nhất. Về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã nộp đủ số tiền theo kết luận định giá để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự. Các vấn đề khác người bào chữa nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là do nhận thức còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, mục đích đi phát rừng là để trồng cây mỡ phát triển kinh tế gia đình nên đã thực hiện hành vi pham tội, các bị cáo đã rất hối hận, ăn năn về việc làm của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Na Rì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người làm chứng Triệu Thị K vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ. Căn cứ Điều 293/BLTTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Triệu Văn C, Triệu Thị N và Triệu Văn S đều khai nhận: Từ ngày 16/9/2020, trong thời gian khoảng một tuần, tại khu rừng tự nhiên sản xuất, thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V năm 2018. Các bị cáo C, N và S đã có hành vi phát phá rừng trái phép với tổng diện tích 6.266 m^2, làm thiệt hại 26,757m^3 (Hai mươi sáu phẩy bảy năm bảy mét khối) gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII; 34 khúc gỗ tròn loại thông thường có khối lượng là 1,705m^3 (Một phẩy bảy không năm mét khối) và 3.194 (Ba nghìn một trăm chín tư) cây Vầu. Tổng giá trị bị xâm hại là 3.908.740 (Ba triệu chín trăm linh tám nhìn bẩy trăm bốn mươi đồng). Mục đích các bị cáo đi phát phá rừng là để trồng cây Mỡ phát triển kinh tế gia đình.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với diễn biến, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Hành vi phát phá rừng tự nhiên sản xuất khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, với diện tích bị phát là 6.266 m^2 của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự 2015. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 500.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2).”

Các bị cáo có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Do đó cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự và có một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong vụ án này cả 03 bị cáo cùng tham gia phát phá rừng nhưng bị cáo Triệu Văn C là người khởi xướng việc đi phát phá rừng và là người thực hành tích cực nhất. Vì vậy vai trò của bị cáo Triệu Văn C trong vụ án là cao hơn các bị cáo Triệu Thị N và Triệu Văn S. Do vậy khi xem xét TNHS cần áp dụng mức án tương xứng với vai trò của các bị cáo.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo C, N, S có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Triệu Văn C sau khi cùng với các bị cáo N, S thực hiện hành vi "Hủy hoại rừng" thì sau đó đã thực hiện hành vi đốt số cây gỗ, cây vầu mà trước đó các bị cáo đã phát, được cơ quan điều tra giao cho Chính quyền địa phương và Hạt kiểm lâm huyện quản lý tại hiện trường. Hành vi này của C đã bị Công an huyện Na Rì xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Tuy bị cáo Triệu Văn C đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính là sau khi đã thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần xác định trước khi phạm tội bị cáo Triệu Văn C có nhân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và "người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Đánh giá quan điểm của người bào chữa: Quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo khi đánh giá về nhân thân, tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt ở mức thấp nhất và cho hưởng án treo đối với bị cáo C; đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo N, S; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập và đề nghị miễn án phí cho các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất mức độ mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về loại hình phạt, mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Động cơ, mục đích dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là phát phá rừng để trồng cây mỡ phát triển kinh tế gia đình nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội. Có đủ điều kiện áp dụng Điều 65/BLHS cho bị cáo Triệu Văn C được hưởng án treo; áp dụng điều 36/BLHS cho các bị cáo Triệu Thị N và Triệu Văn S được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Các bị cáo đều là đồng bào dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Không áp dụng việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo N, S.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự và các bị cáo đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường dân sự. Việc thỏa thuận là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được HĐXX ghi nhận. Theo đó, các bị cáo C, N, S chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về dân sự cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện N với số tiền là 3.908.740đ (Ba triệu chín trăm linh tám nhìn bẩy trăm bốn mươi đồng). Xác nhận việc các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.908.740đ tại Chi cục thi hành án dân sự (theo các biên lại thu tiền số 01080, 01081, 01082 ngày 18/6/2021) để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại về dân sự.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng gồm: 01 con dao dài 50 cm, phần tay cầm bằng gỗ dài 40cm, phần lưỡi dao hình lưỡi liềm bằng kim loại dài 16cm, bản rộng 4cm, dao cũ đã qua sử dụng; 01 con dao quắm dài 45cm, được tra cán gỗ dài 11cm, phần lưỡi dao bằng kim loại hình lưỡi liềm dài 34cm, bản rộng 5cm, dao cũ đã qua sử dụng và 01 con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 40cm, được tra cán gỗ dài 10cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, bản rộng 4cm, dao cũ đã qua sử dụng. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào quá trình thực hiện tội phạm nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 máy cưa xăng màu trắng - cam, có cả lam và xích. Máy cưa xăng dài 94cm (tính cả lam xích), phần thân máy dài 41cm, lam xích dài 53cm, trên lam có ghi chữ BOONG HAY, bản lam rộng 10cm mặc dù đây phương tiện các bị cáo dùng để phát phá rừng. Nhưng tài sản này là của anh Triệu Văn Q cho bị cáo Triệu Văn C mượn, khi cho mượn anh Q không biết bị cáo C dùng máy cưa để đi phát phá rừng trái phép, khi mượn tài sản của anh Q bị cáo C không nói là để sử dụng vào việc phá rừng trái phép. Tại phiên tòa anh Q có yêu cầu được lấy lại. Xét thấy, đây là tài sản hợp háp của anh Q đã bị C sử dụng vào mục đích bất hợp pháp mà chủ sở hữu không biết. Do vậy cần trả lại chiếc máy cưa này cho chủ sở hữu hợp pháp anh Triệu Văn Q là đúng quy định của pháp luật.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/5/2021 giữa Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).

- Đối với số vật chứng còn lại tại hiện trường là 10,049m^3 (Mười phẩy không bốn chín mét khối) gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII và 34 khúc gỗ tròn có khối lượng là 1,705m^3 (Một phẩy bẩy không năm mét khối). Cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước. Giao cho hạt kiểm lâm huyện Na Rì quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 3.908.740đ (Ba triệu chín trăm linh tám nhìn bẩy trăm bốn mươi đồng) các bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn để thực hiện các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[10] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi Triệu Văn C đốt vật chứng là 16,708m^3 gỗ và 3.194 cây Vầu: Sau khi đốt hủy hoại vật chứng Cơ quan tiến hành tố tụng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, định giá tài sản. Tuy nhiên giá trị tài sản bị hủy hoại dưới 2.000.000 đồng, Triệu Văn C chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến hành vi hủy hoại tài sản nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với C về tội Hủy hoại tài sản quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại tài sản đối với hành vi của Triệu Văn C là đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Các bị cáo Triệu Văn C, Triệu Thị N và Triệu Văn S là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Các bị cáo Triệu Văn C, Triệu Thị N và Triệu Văn S phạm tội *"Hủy hoại rừng"*.

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn C 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Chài cho UBND xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn quản lý, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo C.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải

chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự.

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Triệu Thị N 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Triệu Văn S 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo N, S.

Không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo N, S.

Giao các bị cáo Triệu Thị N, Triệu Văn S cho UBND xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo N, S có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Văn Vũ giám sát, giáo dục các bị cáo N, S. Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự Uỷ ban nhân dân huyện N. Buộc các bị cáo Triệu Văn C, Triệu Thị N và Triệu Văn S phải liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền là 3.908.740đ (Ba triệu chín trăm linh tám nhìn bẩy trăm bốn mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận các bị cáo đã nộp số tiền 3.908.740đ tại Chi cục thi hành án dân sự (theo các biên lại thu tiền số 01080, 01081, 01082 ngày 18/6/2021) để đảm bảo cho việc bồi thường.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 50 cm, phần tay cầm bằng gỗ dài 40cm, phần lưỡi dao hình lưỡi liềm bằng kim loại dài 16cm, bản rộng 4cm, dao cũ đã qua sử dụng; 01 con dao quắm dài 45cm, được tra cán gỗ dài 11cm, phần lưỡi dao bằng kim loại hình lưỡi liềm dài 34cm, bản rộng 5cm, dao cũ đã qua sử dụng và 01 con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 40cm, được tra cán gỗ dài 10cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, bản rộng 4cm, dao cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn Q 01 máy cưa xăng màu trắng - cam, có cả lam và xích. Máy cưa xăng dài 94cm (tính cả lam xích), phần thân máy dài 41cm, lam xích dài 53cm, trên lam có ghi chữ BOONG HAY, bản lam rộng 10cm, đã qua sử dụng.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/5/2021 giữa Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước số gỗ còn lại để tại hiện trường là 10,049m^3 (Mười phẩy không bốn chín mét khối) gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII

và 34 khúc gỗ tròn có khối lượng là 1,705m^3 (Một phẩy bẩy không năm mét khối). Giao cho Hạt Kiểm lâm huyện Na Rì quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tạm giữ số tiền 3.908.740đ (Ba triệu chín trăm linh tám nhìn bẩy trăm bốn mươi đồng) các bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì theo biên lai các số 01080, 01081, 01082 ngày 18/6/2021 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn dân sự của các bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Triệu Văn C, Triệu Thị N và Triệu Văn S.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND huyện Na Rì (2);
- Các bị cáo; (3)
- Nguyên đơn dân sự; (1);
- Hạt kiểm lâm huyện (1)
- Người có QL,NVLQ;(1)
- Người bào chữa; (2)
- Chi cục THADS huyện Na Rì;(1)
- Công an huyện Na Rì;(2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;(1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thanh Bình